

Số: 3923 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 23 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt chỉ tiêu nâng bậc lương trước thời hạn
do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ năm 2017**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ;

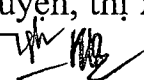
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 659/TTr-SNV ngày 17 tháng 10 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chỉ tiêu nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2017 (chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

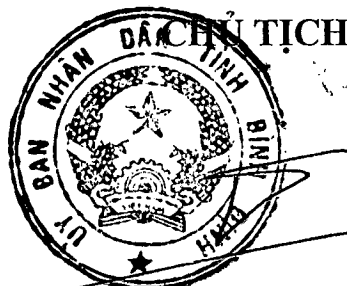
Chỉ tiêu nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ của UBND cấp xã là 02 người/xã/năm.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ thông báo và hướng dẫn các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, các đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. 

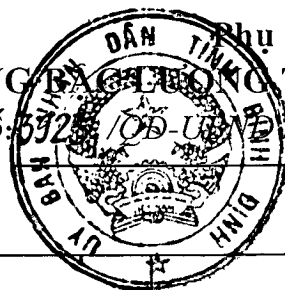
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K12. 



Hồ Quốc Dũng

Phụ lục
CHỈ TIÊU NÂNG LƯỢNG TRƯỚC THỜI HẠN NĂM 2017
(Kèm theo Quyết định số: 5328/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)



TT	Phòng, ban, chi cục	Số biên chế được giao	Số hiện có mặt	Tỷ lệ 10%/tổng số có mặt			Ghi chú
				Hành chính	Sự nghiệp	Tổng cộng	
I	CƠ QUAN CẤP TỈNH	13.002	13.224	146	1.172	1.318	
1	Văn phòng HĐND tỉnh	34	29	3	0	3	
2	Văn phòng UBND tỉnh	81	79	7	1	8	
3	Sở Ngoại vụ	21	25	2	0	2	
4	Sở Tài chính	67	71	7	0	7	
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	277	271	7	20	27	
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	58	58	4	1	5	
7	Sở Công Thương	145	152	13	2	15	
8	Sở Lao động - TB và XH	293	296	5	24	29	
9	Sở Giao thông vận tải	61	220	6	16	22	Sự nghiệp tự chủ
10	Sở Du lịch	31	32	2	1	3	
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.599	3.503	5	345	350	
12	Sở Y tế	6.238	5.856	8	578	586	
13	Sở Nông nghiệp và PTNT	771	933	37	56	93	Sự nghiệp tự chủ
14	Sở Văn hóa và Thể thao	345	394	4	35	39	
15	Ban Dân tộc	18	20	2	0	2	
16	Thanh tra tỉnh	43	44	4	0	4	
17	Sở Nội vụ	86	81	7	1	8	
18	Sở Thông tin và Truyền thông	38	38	3	1	4	
19	Sở Khoa học và Công nghệ	96	94	4	5	9	
20	Sở Tư pháp	85	89	4	5	9	
21	Sở Xây dựng	74	141	7	7	14	Sự nghiệp tự chủ
22	Ban Quản lý Khu kinh tế	107	109	5	6	11	
23	Ban Quản lý dự án các công trình giao thông tỉnh	Sự nghiệp tự chủ	38	0	4	4	

TT	Phòng, ban, chi cục	Số biên chế được giao	Số hiện có mặt	Tỷ lệ 10%/tổng số có mặt			Ghi chú
				Hành chính	Sự nghiệp	Tổng cộng	
24	Ban Quản lý dự án các công trình dân dụng và công nghiệp	Sự nghiệp tự chủ	37	0	4	4	
25	Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT	Sự nghiệp tự chủ	38	0	4	4	
26	Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh	24	19	0	2	2	
27	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội tỉnh	20	19	0	2	2	
28	Trường Cao đẳng Bình Định	117	149	0	15	15	
29	Trường Cao đẳng Y tế	94	112	0	11	11	
30	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn	Sự nghiệp tự chủ	100	0	10	10	
31	Đài Phát thanh và Truyền hình	139	138	0	13	13	
32	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	17	17	0	1	1	
33	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	14	14	0	1	1	
34	Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh	9	8	0	1	1	
II	UBND CẤP HUYỆN	19.115	18.963	102	1.788	1.890	
1	UBND huyện Tuy Phước	2.147	2.137	9	204	213	
2	UBND huyện Phù Mỹ	2.249	2.228	9	213	222	
3	UBND huyện Tây Sơn	1.749	1.747	8	166	174	
4	UBND huyện Vân Canh	622	624	8	54	62	
5	UBND huyện Hoài Ân	1.271	1.255	8	117	125	
6	UBND huyện Hoài Nhơn	2.384	2.255	10	215	225	
7	UBND huyện Vĩnh Thạnh	721	762	8	68	76	
8	UBND huyện An Lão	732	738	9	64	73	
9	UBND huyện Phù Cát	2.479	2.467	9	237	246	
10	UBND thị xã An Nhơn	2.051	1.988	9	189	198	
11	UBND thành phố Quy Nhơn	2.710	2.762	15	261	276	